

Bản án số: 83/2018/DS -ST
Ngày 30/11/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VNAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Song Trà;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29, 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2018/TLST-DS ngày 11/9/2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2018/QĐXXST- DS, ngày 09/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2018/QĐST-DS, ngày 20/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng)

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ: Số 266 – 268 đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng- chi nhánh Quảng Ngãi, địa

chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 1656/2018/GUQ-PL ngày 06/6/2018). Ông T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Vũ T1, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - chi nhánh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 449 đường Q, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy ủy quyền số 145/2018/QĐ-CNQNI ngày 11-6-2018 và ông Trần Duy H; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch HV, địa chỉ: Hẻm 353/4 L, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy ủy quyền số 172/2018/QĐ-CNQNI, ngày 11-6-2018, ông H có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Trung C sinh năm 1979 và bà Lê Thị Ngọc H sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn CL, xã NP, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Văn V sinh năm 1947
- Bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1949
- Anh Trần Trung L, sinh năm 1981
- Chị Nguyễn Thị Kim N sinh năm 1985
- Cháu Trần Thị Nh (11 tuổi)
- Cháu Trần Thị Y (06 tuổi)
- Cháu Trần Trung H2 (01 tuổi)

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Thị Nh, Trần Thị Y và cháu Trần Trung H2 là: Anh Trần Trung L và chị Nguyễn Thị Kim N.

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông C và bà H có mặt, ông V có mặt, bà H1, anh L, chị N (Viên) đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14-8-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm phương án vay ngày 09/01/2018 của ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H, ngày 10/01/2018 Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số LD1801000204 với ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H, theo hợp đồng Ngân hàng cho ông C, bà H vay số tiền 750.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay phát triển kinh tế gia đình- mua bán thủy hải sản, lãi suất vay: ba tháng đầu tiên là 0,834 %/tháng, từ tháng thứ tư trở đi theo lãi suất Ngân hàng điều chỉnh 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân

hàng Nhà nước về lãi suất cho vay; phương thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, lãi trả ngày 20 hàng tháng; và Hợp đồng thế tín dụng hạn mức 40.000.000 đồng đối với bà Lê Thị Ngọc H, hạn mức 30.000.000 đồng đối với ông Trần Trung C. Ông C và bà H cùng ký tên vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế tín dụng và giấy nhận nợ Ngân hàng.

Để đảm bảo khoản vay của ông C và bà H, Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1704500003 ngày 15/02/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1704500003/01 ngày 10/01/2018 với ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị H1, công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 10/01/2018, đăng ký thế chấp ngày 15/02/2017 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất thửa đất số 396, tờ bản đồ số 1, diện tích 265,3m² tại thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01588 ngày 20/12/2011 cho ông V, bà H1. Khi thế chấp, ông V, bà H1 có cam kết bằng văn bản thế chấp toàn bộ diện tích công trình xây dựng (kể cả không có giấy tờ pháp lý) trên đất là nhà ở, hết cấu móng BTCT, tường gạch, diện tích xây dựng 100m², diện tích sàn 200m², số tầng 01 trệt 01 lầu cũng thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng. Ông V và bà H1 khi ký hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hoàn toàn minh mẫn và tự nguyện, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất nêu trên được dùng để thế chấp cho các nghĩa vụ của ông C và bà H tại Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 29/11/2018, ông C và bà H đã trả được 34.737.722đ tiền lãi còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 863.257.808đ; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng tín dụng nợ gốc là 750.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 34.734.880đ, nợ lãi quá hạn 626.993đ; đối với khoản nợ của Hợp đồng thế tín dụng của bà H nợ gốc là 44.785.415đ, nợ lãi trong hạn là 657.861đ, nợ lãi quá hạn 328.931đ; đối với khoản nợ của Hợp đồng thế tín dụng của ông C nợ gốc là 31.543.683đ, nợ lãi trong hạn là 386.937đ, nợ lãi quá hạn 193.108đ;

Nay Ngân hàng yêu cầu ông C và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên (tạm tính đến 29/11/2018), ông C và bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi tắt toán hợp đồng. Trường hợp ông C và

bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa đất số 396, tờ bản đồ số 1, diện tích 265,3m² tại thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01588 ngày 20/12/2011 cho ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng; Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông C và bà H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

** Tại Bản tự khai ngày 04/10/2018, Biên bản làm việc ngày 30/10/2018 và ngày 20/11/2018; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C và bà H trình bày:*

Ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H là vợ chồng; ông bà thống nhất việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế tín dụng đúng như phần trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng. Ông C và bà H thống nhất có nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 863.257.808đ; trong đó đối với khoản nợ của hợp đồng tín dụng; nợ gốc là 750.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 34.734.880đ, nợ lãi quá hạn 626.993đ; đối với khoản nợ của hợp đồng thế tín dụng của bà H nợ gốc là 44.785.415đ, nợ lãi trong hạn là 657.861đ, nợ lãi quá hạn 328.931đ; đối với khoản nợ của hợp đồng thế tín dụng của ông C nợ gốc là 31.543.683đ, nợ lãi trong hạn là 386.937đ, nợ lãi quá hạn 193.108đ (tạm tính đến ngày 29/11/2018);

Do điều kiện kinh tế khó khăn, ông C và bà H đề xuất được trả dần số tiền nợ theo phương án mỗi tháng trả 10.000.000đ bắt đầu từ tháng 11/2018 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng miễn tiền lãi cho ông, bà kể từ tháng 11/2018.

** Tại Bản tự khai ngày 04/10/2018, Biên bản làm việc ngày 30/10/2018; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Văn V trình bày:*

Ông là cha ruột của ông Trần Trung C, là chồng của bà Nguyễn Thị H1, bà H1 có sức khỏe yếu nên không đến dự phiên tòa, ông đại diện bà H1 trình bày. Để đảm bảo khoản vay của ông C và bà H tại Ngân hàng, ông và vợ là bà Nguyễn Thị H1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1704500003 ngày 15/02/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số LD1704500003/01 ngày 10/01/2018 với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 1,

diện tích 265,3m² tại thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01588 ngày 20/12/2011 cho ông V, bà H. Tài sản gắn liền với đất có 01 ngôi nhà kết cấu móng BTCT, tường gạch, diện tích xây dựng 100m², diện tích sàn 200m², số tầng 01 trệt 01 lầu, do vợ chồng ông xây từ năm 1977 ở từ đó đến nay có vài lần sửa chữa do vợ chồng ông đứng ra làm và các con của ông đóng góp thêm nhưng không đáng kể, ông và các con ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì. Các tài sản gắn với thửa đất khác như sân cột kèo sắt mái lợp tôn; 01 nhà tắm tạm xây gạch, giếng nước, tường rào cổng ngõ, cây trên đất: 02 cây mận, 01 cây nhãn, 06 cây đinh lăng, 01 cây xương rồng là tài sản của ông V và bà H1 tạo lập và trồng nên. Hiện nay vợ chồng ông V và bà H1 đang sống cùng vợ chồng con trai là anh Trần Trung L và Nguyễn Thị Kim N; các cháu là con của anh L và chị N là Trần Thị Nh (11 tuổi); cháu Trần Thị Y (06 tuổi); cháu Trần Trung H2 (01 tuổi) tại ngôi nhà và đất thế chấp cho Ngân hàng. Khi ký hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp với Ngân hàng ông bà hoàn toàn minh mẫn, tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên để thế chấp cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng mà ông C và bà H đã ký với Ngân hàng. Nếu ông, bà không ký hợp đồng thế chấp thì ông C, bà H sẽ không vay được tiền của Ngân hàng nên vì con, ông bà tự nguyện thế chấp. Ông bà thừa nhận hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp là có giá trị pháp lý, đúng ý chí của ông và bà H1. Nhưng ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông C và bà H trả nợ, ông tự nguyện trả thay cho ông C và bà H mỗi tháng 10.000.000đ từ tháng 11/2018 cho đến khi hết nợ, xin Ngân hàng miễn lãi cho ông C và bà H từ tháng 11/2018. Ông không đồng ý việc Ngân hàng yêu cầu xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Trung L và chị Nguyễn Thị Kim N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn*

bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông C và bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 863.257.808đ; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng vay nợ gốc là 750.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 34.734.880đ, nợ lãi quá hạn 626.993đ; đối với khoản nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng của bà H nợ gốc là 44.785.415đ, nợ lãi trong hạn là 657.861đ, nợ lãi quá hạn 328.931đ; đối với khoản nợ của Hợp đồng thẻ tín dụng của ông C nợ gốc là 31.543.683đ, nợ lãi trong hạn là 386.937đ, nợ lãi quá hạn 193.108đ (tạm tính đến 29/11/2018); ông C và bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi tất toán hợp đồng. Trường hợp ông C và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất thửa đất số 396, tờ bản đồ số 1, diện tích 265,3m² tại thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01588 ngày 20/12/2011 cho ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị H1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng; Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông C và bà H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ. Ông C và bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị H1; anh Trần Trung L và chị Nguyễn Thị Kim N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo

các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án thì Ngân hàng đã ký với ông C và bà H hợp đồng tín dụng số LD1801000204 ngày 10/01/2018 cho vay số tiền 750.000.000đ và Hợp đồng thế tín dụng tổng hạn mức 70.000.000đ. Tính đến ngày 29/11/2018 ông C và bà H đã trả được 34.737.722đ tiền lãi còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 863.257.808đ; trong đó đối với khoản nợ của Hợp đồng vay nợ gốc là 750.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 34.734.880đ, nợ lãi quá hạn 626.993đ; đối với khoản nợ của Hợp đồng thế tín dụng của bà H nợ gốc là 44.785.415đ, nợ lãi trong hạn là 657.861đ, nợ lãi quá hạn 328.931đ; đối với khoản nợ của Hợp đồng thế tín dụng của ông C nợ gốc là 31.543.683đ, nợ lãi trong hạn là 386.937đ, nợ lãi quá hạn 193.108đ;

Ông C và bà H thống nhất có vay và đồng ý trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông C và bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 29/11/2018 và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi tất toán hợp đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay của ông C và bà H thì ông V và bà H đã ký hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 1, diện tích 265,3m² tại thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01588 ngày 20/12/2011 cho ông V, bà H1.

Các hợp đồng được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định pháp luật, ông V và bà H xác định tài sản thế chấp là của ông bà, ông bà minh mẫn, tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên để thế chấp cho các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng mà ông C và bà H đã ký với Ngân hàng. Nếu ông, bà không ký hợp đồng thế chấp thì ông C, bà H sẽ không vay được tiền của Ngân hàng. Ông bà thừa nhận hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp là có giá trị pháp lý, đúng ý chí của ông V và bà H.

Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp ông C và bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Trường hợp sau

khi xử lý tài sản thế chấp nêu trên mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông C và bà H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông C và bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, Ngân hàng đã tạm ứng số tiền trên và đã chi xong nên ông C và bà H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Ông C và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 144, 147, 157, 158, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ 863.257.808đ (Tám trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm lẻ tám đồng); trong đó đối với Hợp đồng vay nợ gốc là 750.000.000đ (Bảy trăm năm mươi triệu), nợ lãi trong hạn là 34.734.880đ (Ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm tám mươi đồng), nợ lãi quá hạn 626.993đ (Sáu trăm hai mươi sáu ngàn, chín trăm chín mươi ba đồng); đối với Hợp đồng thẻ tín dụng của bà H nợ gốc là 44.785.415đ (Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm mười lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 657.861đ (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi một ngàn), nợ lãi quá hạn 328.931đ (Ba trăm hai mươi tám ngàn, chín trăm ba mươi một đồng); đối với Hợp đồng thẻ tín dụng của ông C nợ gốc là 31.543.683đ (Ba mươi một triệu, năm trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm tám mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn là 386.937đ (Ba trăm tám mươi sáu ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng), nợ lãi quá hạn 193.108đ (Một trăm chín mươi ba ngàn, một trăm lẻ tám đồng) (tiền lãi tạm tính đến ngày 29/11/2018).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông C và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp ông C và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm 01 (Một) ngôi nhà cấp III, số tầng 02 (Hai), kết cấu móng trụ dầm sàn bằng bê tông cốt thép, sân nền lát gạch men, bê tông xi măng cột kèo sắt mái lợp tôn; 01 (Một) nhà tắm tạm xây gạch mái lợp tôn, giếng nước, tường rào công ngõ, cây trên đất: 02 (Hai) cây mận, 01 (Một) cây nhãn, 06 (Sáu) cây đinh lăng, 01 (Một) cây xương rồng tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 1, diện tích 265,3m² tại thôn PT, xã NA, thành phố QNg, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy CH01588 ngày 20/12/2011 cho ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1704500003 ngày 15/02/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số LD1704500003/01 ngày 10/01/2018, công chứng tại Văn phòng công chứng Phi Thanh ngày 10/01/2018, đăng ký thế chấp ngày 15/02/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông C và bà H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả nợ xong.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP S đã tạm ứng số tiền trên và đã chi phí xong nên buộc ông C và bà H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Trung C và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 37.897.734 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi bảy ngàn, bảy trăm ba mươi bốn đồng).

6. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 18.380.713đ (Mười tám triệu, ba trăm tám mươi ngàn, bảy trăm mười ba đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003639 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly